



AUDIT AND ASSURANCE

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA
VÀ CÔNG TY CON**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
đã được kiểm toán**

www.nva.com.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NVA

Trụ sở chính:

Add : Số 196 Vũ Tông Phan, Phường Bình Trưng, TP. HCM
Tel : (028) 3910 3908 - (028) 3910 6162 - (028) 3910 4880
Email : nva@nva.com.vn Web: www.nva.com.vn

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 41

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Khái quát

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa tên cũ là Công ty CP Bia Thanh Hóa được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 2800791192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24/3/2004. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 13 ngày 15/07/2025.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau :

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Trường Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Kiên Cường	Phó Chủ tịch
Ông Lương Xuân Dũng	Thành viên
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên
Ông Đỗ Trường Giang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Kiên Cường	Giám đốc
Ông Đỗ Trường Giang	Phó Giám đốc
Ông Phùng Văn Quỳnh	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Duy Hà	Trưởng ban
Ông Nguyễn Minh Thế	Thành viên
Ông Trần Đức Giang	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật trong năm và đến ngày lập báo cáo này

Ông Nguyễn Kiên Cường	Giám đốc
-----------------------	----------

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ông Nguyễn Kiên Cường
Giám đốc

Thanh Hóa, Ngày 03 tháng 03 năm 2026

Số : 09.07.1.4/25/BCTC/NVA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Thanh Hóa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Thanh Hóa, được lập ngày 03/03/2026, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Thanh Hóa tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 04/03/2025 có ý kiến của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần.



Công ty TNHH Kiểm toán NVA
Phó Tổng Giám đốc

Lê Hồng Đào

Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 1732-2023-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Chí Thanh

Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 2819-2024-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 4 tháng 3 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		234.115.120.467	221.519.930.302
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30.971.242.087	44.509.710.192
1. Tiền	111		18.971.242.087	39.509.710.192
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.100.000.000	38.100.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	6.100.000.000	38.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		135.566.494.813	72.508.893.904
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	118.997.744.905	56.648.533.851
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.504.134.196	4.529.033.717
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	14.292.413.165	14.559.123.789
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.227.797.453)	(3.227.797.453)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		61.477.383.567	65.678.081.335
1. Hàng tồn kho	141	V.7	61.477.383.567	65.678.081.335
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	723.244.871
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	723.244.871
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.090.367.762	58.488.749.476
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	10.000.000	10.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

03052
CỔ
T
KIỂM
N
-TP.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
II. Tài sản cố định	220		41.150.219.712	46.351.575.773
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	36.793.884.949	41.764.407.677
- Nguyên giá	222		560.831.231.374	582.505.154.267
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(524.037.346.425)	(540.740.746.590)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	4.356.334.763	4.587.168.096
- Nguyên giá	228		8.262.859.922	8.262.859.922
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.906.525.159)	(3.675.691.826)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.876.033.325	1.348.784.248
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	2.876.033.325	1.348.784.248
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		20.054.114.725	10.778.389.455
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	19.418.031.933	10.062.016.220
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.10	636.082.792	716.373.235
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		298.205.488.229	280.008.679.778

1388
 NG T
 NHH
 TOA
 VA
 HO C

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		150.175.442.039	132.430.776.813
I. Nợ ngắn hạn	310		136.317.622.685	122.567.574.087
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	7.156.229.872	6.577.190.637
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	32.424.119.736	31.923.466.488
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	21.977.317.907	15.995.028.487
4. Phải trả người lao động	314		12.897.139.163	11.755.517.366
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	135.762.570	205.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	55.434.649.423	53.300.861.003
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	5.000.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.292.404.014	2.810.510.106
II. Nợ dài hạn	330		13.857.819.354	9.863.202.726
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	312.904.575	312.904.575
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	13.544.914.779	9.550.298.151
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		148.030.046.190	147.577.902.965
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	147.640.046.190	147.187.902.965
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		114.245.700.000	114.245.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		114.245.700.000	114.245.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.078.650.000	4.078.650.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.425.742.547	19.425.742.547
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.889.953.643	9.437.810.418
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.626.211.704	5.626.211.704
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.263.741.939	3.811.598.714
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		390.000.000	390.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		390.000.000	390.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		298.205.488.229	280.008.679.778

Người lập biểu

Đoàn Thị Như Hoa

Đoàn Thị Như Hoa

Kế toán trưởng

Phùng Sỹ Hữu

Phùng Sỹ Hữu



Giám đốc

Nguyễn Kiên Cường

Thanh Hóa, Ngày 03 tháng 03 năm 2026

BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.719.496.914.729	1.655.106.128.284
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	41.928.252.001	30.521.737.882
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.677.568.662.728	1.624.584.390.402
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.557.096.802.540	1.506.753.078.857
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		120.471.860.188	117.831.311.545
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.188.505.489	1.907.090.280
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	127.801.360	22.630.137
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		127.801.360	22.630.137
8. Phần lãi, lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.8	149.073.561.512	135.498.938.959
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9	42.175.801.933	43.093.747.671
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(69.716.799.128)	(58.876.914.942)
12. Thu nhập khác	31	VI.6	78.952.952.731	69.585.848.858
13. Chi phí khác	32	VI.7	3.119.213.544	4.764.451.952
14. Lợi nhuận khác	40		75.833.739.187	64.821.396.906
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.116.940.059	5.944.481.964
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	1.772.907.677	2.015.086.558
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		80.290.443	117.796.692
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.263.741.939	3.811.598.714
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	61		4.263.741.939	3.811.598.714
20. Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	235	250
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	235	250

Người lập biểu

Đoàn Thị Như Hoa

Đoàn Thị Như Hoa

Kế toán trưởng

Phùng Sỹ Hữu

Phùng Sỹ Hữu

Giám đốc



Nguyễn Kiên Cường

Thanh Hóa, Ngày 03 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.116.940.059	5.944.481.964
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		8.275.805.401	10.047.190.858
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.512.687.307)	(1.907.090.280)
- Chi phí lãi vay	06		127.801.360	22.630.137
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.007.859.513	14.107.212.679
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(62.762.990.284)	45.666.932.981
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.200.697.768	(5.954.020.831)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		15.087.044.583	(34.288.765.457)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9.356.015.713)	4.954.015.226
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(127.801.360)	(22.630.137)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.505.233.197)	(2.887.439.853)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		273.946.666	415.855.640
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.747.508.972)	(2.774.355.640)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(47.930.000.996)	19.216.804.608
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.601.698.417)	(4.051.626.795)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.324.181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.222.387.585)	(87.426.615.558)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		42.222.387.585	58.664.412.358
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.617.139.735	1.798.049.836
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		32.339.623.136	(31.015.780.159)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		22.604.647.124	10.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(17.604.647.124)	(10.000.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.948.090.245)	(3.943.431.765)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.051.909.755	(3.943.431.765)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(13.538.468.105)	(15.742.407.316)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		44.509.710.192	60.252.117.508
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	30.971.242.087	44.509.710.192

Người lập biểu

Đoàn Thị Như Hoa

Đoàn Thị Như Hoa

Kế toán trưởng

Phùng Sỹ Hữu

Phùng Sỹ Hữu



Giám đốc

Nguyễn Kiên Cường

Nguyễn Kiên Cường

Thanh Hóa, Ngày 03 tháng 03 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa tên cũ là Công ty CP Bia Thanh Hóa được chuyển từ doanh nghiệp nhà nước. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 2800791192 do Sở Tài Chính tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 24/3/2004. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 13 ngày 15/07/2025.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh trong 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Số lượng nhân viên của toàn Công ty vào ngày 31/12/2025 là: 372 người (tại ngày 01/01/2025 là 393 người).

Tổng số các Công ty con : 1
Số lượng Công ty con được hợp nhất: 1
Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

Danh sách công ty con được hợp nhất:

Tên	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco Miền Trung	Kinh doanh bia rượu, và các sản phẩm dịch vụ khác	15.000.000.000	100%	100%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con. Công ty con là đơn vị do công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng tại Công ty thì báo cáo tài chính của công ty con sẽ được điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc hợp nhất báo cáo.

Số dư các tài khoản trong bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá trị hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tồn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối năm trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25	05 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 15	05 – 15
Phương tiện vận tải	04 – 12	04 – 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 08	03 – 08

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối năm khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ý chứng khoán được xác lập.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

884
G TY
HH
TOÁN
'A
Ồ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước).
 - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



17. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo

hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, hoặc cộng trừ các khoản phân bổ lũy kế theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của doanh nghiệp sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON
 Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	3.121.383.350	2.966.706.180
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.849.858.737	36.543.004.012
Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng (*)	12.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	30.971.242.087	44.509.710.192

(*) **Ghi chú:** Trong đó có 5 tỷ tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thanh Hóa để bảo đảm cho hợp đồng cho vay theo hạn mức số 53088/2025/ĐV ngày 12/05/2025.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số dư tại 31/12/2025 thể hiện khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 6 tháng – 12 tháng tại các ngân hàng sau

	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sầm Sơn	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa	1.100.000.000	1.100.000.000
Cộng	6.100.000.000	6.100.000.000

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	52.245.916.152	31.241.102.656
Công ty TNHH Thương mại thực phẩm & đồ uống Thái Bình Dương	56.926.282.616	-
Công ty TNHH DV Thanh Hoa	-	5.076.914.150
Công ty TNHH Thiên Thanh	-	2.607.429.125
Các đối tượng khác	9.825.546.137	17.723.087.920
Cộng	118.997.744.905	56.648.533.851

Phải thu khách hàng là bên liên quan Xem thuyết minh VII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công ty TNHH TM Quốc Tế Khai Minh	1.077.808.330	305.466.630
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Hưng Phát	1.461.456.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư LUST.H	985.881.623	-
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	912.460.303	2.876.677.643
Đối tượng khác	1.066.527.940	1.346.889.444
Cộng	5.504.134.196	4.529.033.717

Trả trước cho người bán là bên liên quan Xem thuyết minh VII.2

5. Phải thu khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a, Ngắn hạn		
Phải thu về tiền cược bao bì, vỏ chai	7.385.716.600	7.738.297.200
Phải thu lãi tiền gửi tạm tính	183.716.714	612.350.960
Phải thu khác	6.722.979.851	6.208.475.629
Cộng	14.292.413.165	14.559.123.789
b, Dài hạn		
Phải thu khác	10.000.000	10.000.000
Cộng	10.000.000	10.000.000

Phải thu khác là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2

6. Nợ xấu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	3.227.797.453	-	3.227.797.453	-
Cộng	3.227.797.453	-	3.227.797.453	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	26.395.838.869	-	30.568.533.397	-
Công cụ, dụng cụ	933.993.020	-	3.478.406.432	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.759.716.381	-	12.745.388.618	-
Thành phẩm	3.801.877.438	-	5.908.676.165	-
Hàng hóa	20.585.957.859	-	12.977.076.723	-
Cộng	61.477.383.567	-	65.678.081.335	-

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Nhà máy Bia xã Quảng Thịnh	329.785.454	329.785.454
Cải tạo hệ thống thu gom nước thải tách nước mưa	2.404.458.056	-
Cải tạo nâng cấp hệ thống PCCC	72.789.815	-
Đầu tư máy lắp kết tự động	69.000.000	-
Trạm nước bờ sông	-	1.018.998.794
Cộng	2.876.033.325	1.348.784.248

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công cụ dụng cụ, vỏ chai keg xuất dùng	19.000.302.031	9.214.628.142
Sửa chữa lớn TSCĐ	417.729.902	847.388.078
Cộng	19.418.031.933	10.062.016.220

10. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	636.082.792	716.373.235



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ Quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	80.211.169.541	470.771.749.792	25.418.509.363	6.103.725.571	582.505.154.267
Số tăng trong năm	371.918.182	2.070.048.794	-	633.182.364	3.075.149.340
- Mua trong năm	-	2.069.348.794	-	633.182.364	2.702.531.158
- Xây dựng trong năm	371.918.182	-	-	-	371.918.182
- Tăng khác	-	700.000	-	-	700.000
Số giảm trong năm	-	23.405.472.142	1.342.900.091	700.000	24.749.072.233
- Thanh lý, nhượng bán	-	23.405.472.142	1.342.900.091	-	24.748.372.233
- Giảm khác	-	-	-	700.000	700.000
Số dư cuối năm	80.583.087.723	449.436.326.444	24.075.609.272	6.736.207.935	560.831.231.374
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	66.918.877.400	447.561.730.684	21.367.556.030	4.892.582.476	540.740.746.590
Số tăng trong năm	1.792.502.359	4.209.341.848	1.281.469.451	761.658.410	8.044.972.068
Số giảm trong năm	-	23.405.472.142	1.342.900.091	-	24.748.372.233
- Thanh lý, nhượng bán	-	23.405.472.142	1.342.900.091	-	24.748.372.233
Số dư cuối năm	68.711.379.759	428.365.600.390	21.306.125.390	5.654.240.886	524.037.346.425
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	13.292.292.141	23.210.019.108	4.050.953.333	1.211.143.095	41.764.407.677
Tại ngày cuối năm	11.871.707.964	21.070.726.054	2.769.483.882	1.081.967.049	36.793.884.949

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng 446.121.468.894 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON
 Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.752.531.000	4.510.328.922	8.262.859.922
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	3.752.531.000	4.510.328.922	8.262.859.922
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	3.675.691.826	3.675.691.826
Số tăng trong năm	-	230.833.333	230.833.333
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	3.906.525.159	3.906.525.159
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	3.752.531.000	834.637.096	4.587.168.096
Tại ngày cuối năm	3.752.531.000	603.803.763	4.356.334.763

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng 3.565.328.922 đồng.

13. Phải trả người bán

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả ngắn hạn				
Công ty TNHH TM & Vận Tải Thái Tân	1.492.978.001	1.492.978.001	1.005.298.688	1.005.298.688
Công ty CP Hanacans	-	-	649.110.528	649.110.528
Công ty TNHH thiết bị CNTP An Vượng	-	-	697.466.000	697.466.000
Công ty TNHH Baosteel can making	2.339.263.173	2.339.263.173	354.712.372	354.712.372
Công ty TNHH Thương mại Công nghiệp và Truyền thông Blue Việt Nam	1.158.752.021	1.158.752.021	933.265.328	933.265.328
Phải trả các đối tượng khác	2.165.236.677	2.165.236.677	2.937.337.721	2.937.337.721
Cộng	7.156.229.872	7.156.229.872	6.577.190.637	6.577.190.637
b. Phải trả dài hạn				
Công ty TNHH SX và TM Phú Bình	83.095.329	83.095.329	83.095.329	83.095.329
Công ty TNHH Thương mại & KT Hải Âu	73.365.600	73.365.600	73.365.600	73.365.600
Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất Việt Tùng	52.140.000	52.140.000	52.140.000	52.140.000
Lương Văn Thắng	42.250.000	42.250.000	42.250.000	42.250.000
Phải trả các đối tượng khác	62.053.646	62.053.646	62.053.646	62.053.646
Cộng	312.904.575	312.904.575	312.904.575	312.904.575

Phải trả người bán là bên liên quan : Xem thuyết minh VII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công ty TNHH Thương mại Phương Mai	6.499.078.185	3.526.603.712
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Sơn Huệ	3.199.169.013	1.388.514.833
Công ty TNHH Xuân Quang	2.886.439.773	7.361.008.642
Đối tượng khác	19.839.432.765	19.647.339.301
Cộng	32.424.119.736	31.923.466.488

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu năm VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm VND
Thuế phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.607.746.057	44.290.087.616	43.353.961.578	3.543.872.095
Thuế tiêu thụ đặc biệt	12.319.548.581	222.482.870.753	216.758.020.251	18.044.399.083
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.062.196.699	1.772.907.677	2.505.233.197	329.871.179
Thuế thu nhập cá nhân	5.537.150	509.798.413	456.160.013	59.175.550
Thuế, các khoản nộp khác	-	294.238.686	294.238.686	-
Cộng	15.995.028.487	269.349.903.145	263.367.613.725	21.977.317.907
Thuế phải thu				
Thuế đất, tiền thuê đất	723.244.871	2.528.119.913	1.804.875.042	-
Cộng	723.244.871	2.528.119.913	1.804.875.042	-

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Chi phí phải trả khác	135.762.570	205.000.000
Cộng	135.762.570	205.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****17. Phải trả khác**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Phải trả khác ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	75.454.329	78.384.951
Phải trả tiền cược chai két	32.187.901.800	31.980.583.800
Phải trả tiền vỏ chai TCT CP Bia Rượu NGK Hà Nội	7.385.716.600	7.738.297.200
Phải trả phí bản quyền	29.086.750	176.696.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	603.399.565	695.347.310
Phải trả khác	15.153.090.379	12.631.551.742
Cộng	55.434.649.423	53.300.861.003
b. Phải trả khác dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	7.593.570.633	3.630.013.133
Lãi vay phải trả	5.229.341.358	5.229.341.358
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	4.502.356.991	4.502.356.991
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	726.984.367	726.984.367
Phải trả khác	722.002.788	690.943.660
Cộng	13.544.914.779	9.550.298.151

Phải trả khác là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm		Phát sinh trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	22.604.647.124	17.604.647.124	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thanh Hóa (*)	5.000.000.000	5.000.000.000	13.000.000.000	8.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sầm Sơn	-	-	9.604.647.124	9.604.647.124	-	-
Tổng cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	22.604.647.124	17.604.647.124	-	-

(*) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thanh Hóa theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 53088/2025/DV ngày 12/05/2025. Hạn mức 30.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ khi ký hợp đồng. Lãi suất theo quy định ngân hàng tùy thuộc vào từng thời điểm nhận nợ. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay quy định tại Hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn kèm theo hợp đồng vay theo hạn mức số 53088/2025/DV ngày 12/05/2025.



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Lạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****19. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	114.245.700.000	4.078.650.000	19.425.742.547	10.677.122.594	148.427.215.141
Lãi trong năm trước				3.811.598.714	3.811.598.714
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(752.311.390)	(752.311.390)
Thường ban điều hành				(300.000.000)	(300.000.000)
Chia cổ tức				(3.998.599.500)	(3.998.599.500)
Số dư đầu năm nay	114.245.700.000	4.078.650.000	19.425.742.547	9.437.810.418	147.187.902.965
Lãi trong năm nay				4.263.741.939	4.263.741.939
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(666.456.214)	(666.456.214)
Thường ban điều hành				(289.000.000)	(289.000.000)
Chia cổ tức				(2.856.142.500)	(2.856.142.500)
Số dư cuối năm nay	114.245.700.000	4.078.650.000	19.425.742.547	9.889.953.643	147.640.046.190

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON
 Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	%	Đầu năm VND	%
Vốn góp của Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	62.835.100.000	55	62.835.100.000	55
Vốn góp của các đối tượng khác	51.410.600.000	45	51.410.600.000	45
Cộng	114.245.700.000	100	114.245.700.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp đầu năm	114.245.700.000	114.245.700.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	114.245.700.000	114.245.700.000

d) Cổ phiếu

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.424.570	11.424.570
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.424.570	11.424.570
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.424.570	11.424.570
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.424.570	11.424.570
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.424.570	11.424.570

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Nợ khó đòi đã xử lý	1.195.310.556	1.195.310.556

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán các thành phẩm	1.717.326.593.359	1.652.794.954.613
Doanh thu khác	2.170.321.370	2.311.173.671
Cộng	1.719.496.914.729	1.655.106.128.284

Doanh thu với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước Giải Khát Hà Nội	95.917.588.910	93.475.937.161
<i>Doanh thu chưa VAT</i>	<i>175.122.535.280</i>	<i>170.504.164.150</i>
<i>Thuế TTĐB</i>	<i>79.204.946.370</i>	<i>77.028.226.989</i>
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nghệ An	387.488.296	424.548.739
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị	-	26.812.500

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	41.928.252.001	30.521.737.882
Cộng	41.928.252.001	30.521.737.882

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thành phẩm hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	1.557.096.802.540	1.506.753.078.857
Cộng	1.557.096.802.540	1.506.753.078.857

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.188.505.489	1.907.090.280
Cộng	1.188.505.489	1.907.090.280

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	127.801.360	22.630.137
Cộng	127.801.360	22.630.137

6. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản	3.324.181.818	-
Thu nhập từ hỗ trợ	73.157.528.340	67.129.529.340
Thu nhập khác	2.471.242.573	2.456.319.518
Cộng	78.952.952.731	69.585.848.858

7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khấu hao, thuê đất nhà máy Nghi Sơn	620.502.629	1.219.390.570
Các khoản truy thu, phạt chậm nộp thuế	456.377.131	2.171.560.191
Chi phí khác	2.042.333.784	1.373.501.191
Cộng	3.119.213.544	4.764.451.952

8. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công, bảo hiểm	17.898.932.168	15.148.157.359
Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì	9.341.463.654	6.734.478.266
Chi phí khuyến mại, hỗ trợ	91.705.642.319	91.616.847.086
Chi phí khác	30.127.523.371	21.999.456.248
Cộng	149.073.561.512	135.498.938.959

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công, bảo hiểm	17.336.800.109	16.109.477.502
Chi phí tiền thuê đất	1.750.325.290	4.305.926.471
Chi phí khác	23.088.676.534	22.678.343.698
Cộng	42.175.801.933	43.093.747.671



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	209.591.377.582	216.138.737.486
Chi phí nhân công	60.319.427.741	57.135.192.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.275.805.401	10.047.190.858
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.538.339.316	41.577.306.310
Chi phí khác bằng tiền	115.510.476.493	113.828.065.509
Cộng	442.235.426.533	438.726.492.279

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.116.940.059	5.944.481.964
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.991.522.404	4.130.950.825
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.663.804.202	6.988.541.462
+ <i>Lương HĐQT không tham gia điều hành</i>	<i>156.000.000</i>	<i>156.000.000</i>
+ <i>Chi phí khác không được khấu trừ</i>	<i>4.507.804.202</i>	<i>6.832.541.462</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	2.672.281.798	2.857.590.637
+ <i>Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>2.672.281.798</i>	<i>2.857.590.637</i>
Tổng lợi nhuận tính thuế	8.108.462.463	10.075.432.789
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.621.692.492	2.015.086.558
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	151.215.185	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	1.772.907.677	2.015.086.558

12. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	4.263.741.939	3.811.598.714
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận	(1.575.122.971)	(955.456.214)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	1.575.122.971	955.456.214
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	2.688.618.968	2.856.142.500
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	11.424.570	11.424.570
Lãi trên cổ phiếu (**)		
- Lãi cơ bản	235	250
- Lãi suy giảm	235	250

(*) Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trong năm nay là phần quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành tạm tính theo kế hoạch phân chia lợi nhuận 2025 được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua ngày 25/04/2025.

(**) Lãi trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do xác định lại số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025: Xem thêm VII.9 trang 41

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo này

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin sự kiện sau niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin về các bên liên quan**2.1 Danh mục các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	Công ty mẹ
Công ty CP Bia Hà Nội – Nghệ An	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Bao bì Bia Rượu NGK	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Bao bì Habeco	Công ty liên kết với Công ty mẹ

0305
CỔ
T
KIỂM
N
1-TF

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

2.2 Giao dịch với bên liên quan

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh doanh thu đã thuyết minh tại mục VI.1. Trong năm Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu (không bao gồm VAT) như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND	
		Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước Giải Khát Hà Nội	Mua nguyên liệu	62.722.273.362	56.170.168.330
	Chia cổ tức	1.570.877.500	2.199.228.500
	Phí nhãn hiệu bia	383.722.272	387.816.008
	Mua bia	1.317.442.021.480	1.247.920.718.680
	Nhận hỗ trợ bán hàng	73.157.528.340	67.129.529.340
	Thuê kho	1.548.456.000	-
	Mua vỏ	3.631.272	-
Công ty CP Bao bì Bia Rượu Nước Giải Khát	Mua nắp chai	4.684.980.000	4.933.640.000
Công ty CP Bao bì Habeco	Mua hộp bia	1.713.442.720	1.711.044.060
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Thuê kho	-	1.177.774.296
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Phí bốc xếp	64.796.168	64.457.664
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Thuê kho	204.000.000	204.000.000
	Bốc xếp	8.171.881	13.449.270

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Cuối năm	Đầu năm
		VND	VND
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước Giải Khát Hà Nội	Phải thu bán hàng, hỗ trợ	52.245.916.152	31.241.102.656
	Phải thu trả trước	912.460.303	2.876.677.643
	Phải trả vỏ chai kết quyền	(7.385.716.600)	(7.738.297.200)
	Phải trả phí bản quyền	(29.086.750)	(176.696.000)
Công ty CP Bao bì Habeco	Phải trả mua hộp bia	(64.168.416)	(77.355.000)
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Phải thu dịch vụ bốc xếp	-	6.682.500
	Phải trả phí bốc xếp	(17.059.118)	(17.578.529)

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Thu nhập của Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng trong năm:

Họ tên	Chức danh	Nội dung	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc				
Bùi Trường Thắng	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	96.000.000	96.000.000
Lương Xuân Dũng	Thành viên HĐQT	Thù lao	60.000.000	60.000.000
Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	Thù lao	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Kiên Cường	Giám đốc, Thành viên HĐQT	Thù lao	60.000.000	60.000.000
		Lương thưởng	463.596.000	463.990.000
Đỗ Trường Giang	Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	Thù lao	60.000.000	60.000.000
		Lương thưởng	343.182.000	341.000.000
Phùng Văn Quỳnh	Phó Giám đốc	Lương thưởng	317.228.000	270.684.000
Ban Kiểm soát				
Nguyễn Duy Hà	Trưởng BKS	Lương thưởng	253.389.000	257.632.000
Nguyễn Minh Thế	Thành viên BKS	Thù lao	36.000.000	36.000.000
Trần Đức Giang	Thành viên BKS	Thù lao	36.000.000	36.000.000
Các Thành viên chủ chốt khác				
Phùng Sỹ Hữu	Kế toán trưởng	Lương thưởng	325.621.000	327.574.000

3. Thông tin về bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

4. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có thể chấp, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng để làm tài sản đảm bảo khoản vay (xem thuyết minh V.1, V.17). Ngoài ra, Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng: Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	134.346.364.777	13.857.819.354	148.204.184.131
Các khoản vay	5.000.000.000		5.000.000.000
Phải trả người bán	7.156.229.872	312.904.575	7.469.134.447
Người mua trả trước	32.424.119.736	-	32.424.119.736
Chi phí phải trả	135.762.570	-	135.762.570
Các khoản phải trả khác	89.630.252.599	13.544.914.779	103.175.167.378
Số đầu năm	118.983.331.720	9.863.202.726	128.846.534.446
Phải trả người bán	6.577.190.637	312.904.575	6.890.095.212
Người mua trả trước	31.923.466.488	-	31.923.466.488
Chi phí phải trả	205.000.000	-	205.000.000
Các khoản phải trả khác	80.277.674.595	9.550.298.151	89.827.972.746

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ:

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****9. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán. Số liệu lãi trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do xác định lại số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được Đại hội cổ đông thông qua năm 2025. Cụ thể như sau:

Nội dung	Năm trước	Năm trước	Chênh lệch
	Trình bày lại	Đã báo cáo	
Các khoản điều chỉnh giảm	955.456.214	1.230.065.352	(274.609.138)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	2.856.142.500	2.581.533.362	274.609.138
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	250	226	24
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	250	226	24

Người lập biểu



Đoàn Thị Như Hoa

Kế toán trưởng



Phùng Sỹ Hữu



Nguyễn Kiên Cường



Thanh Hóa, Ngày 03 tháng 03 năm 2026.